

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
Số: 39/HÁI/2014/MNQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 5 năm 2014

C.V	Số :
ĐẾN	Ngày :/...../201...
	Chuyên :

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án Bảo tồn, phát triển văn hoá
các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 9 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 05/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”;

Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua Đề án Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Đối tượng, địa bàn thực hiện Đề án

a) **Đối tượng:** Các dân tộc thiểu số của tỉnh Thái Nguyên, ưu tiên cho bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số ít người, các dân tộc không có điều kiện tự bảo vệ và phát huy di sản văn hoá của dân tộc mình.

b) Địa bàn: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó tập trung tại các huyện miền núi của tỉnh gồm: Định Hoá, Võ Nhai, Đông Hy, Đại Từ, Phú Lương, ưu tiên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc các huyện trên.

2. Mục tiêu tổng quát

Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị nhằm bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc Thái Nguyên; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt chú trọng địa bàn các dân tộc có nguy cơ bị mai một, biến đổi văn hoá, phát huy vai trò các chủ thể văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; tôn vinh các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, khuyến khích sáng tạo các giá trị văn hoá mới, góp phần làm giảm dần sự chênh lệch về mức sống và hưởng thụ văn hoá giữa các địa phương; tăng cường sự đầu tư của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, thể thao; tăng cường công tác thông tin truyền thông, xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc thiểu số, ưu tiên sử dụng ngôn ngữ, chữ viết dân tộc (nếu có).

3. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 1 (2014 - 2015)

- Tổ chức kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể tại các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Sông Công và thành phố Thái Nguyên;

- Mỗi năm đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận từ 02 di sản văn hoá phi vật thể trở lên của các dân tộc thiểu số là di sản văn hoá phi vật thể quốc gia;

- Tăng 15% nhà văn hóa xóm, bản trong các huyện thuộc phạm vi Đề án (chưa có và chưa đạt chuẩn) được đầu tư nâng cấp, sửa chữa, làm mới (tương đương 226 nhà văn hóa), nâng tổng số nhà văn hóa đạt chuẩn lên 22% (tương đương với 343 nhà văn hóa) đáp ứng tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Trong đó có 30 - 40% số xóm, bản có nhà văn hóa tự chủ chương trình hoạt động do chủ thể văn hóa tự thực hiện;

- Các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi thực hiện Đề án tập trung chỉ đạo hệ thống chính trị triển khai thực hiện có hiệu quả “*Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”; phần đầu đạt các chỉ tiêu về gia đình, làng, bản, cơ quan văn hoá đạt chuẩn bằng mức bình quân chung toàn tỉnh nhất là các làng, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn;

- Các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi thực hiện Đề án được hỗ trợ phát triển ít nhất 01 nghề truyền thống; hỗ trợ phát triển dân ca, dân vũ hoặc hoạt động du lịch đặc trưng góp phần xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội.

b) Giai đoạn 2 (2016 - 2020)

- Mỗi năm đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận từ 03 di sản văn hoá phi vật thể trở lên của các dân tộc thiểu số là di sản văn hoá phi vật thể quốc gia;

- Tăng 547 nhà văn hóa xóm, bản trong các huyện, thành phố, thị xã thuộc phạm vi Đề án được đầu tư nâng cấp, sửa chữa, làm mới, nâng tổng số nhà văn hóa đạt chuẩn lên 54,87% (tương đương với 890 nhà văn hóa) đáp ứng tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trong đó có 50 - 60% số xóm, bản có nhà văn hóa tự chủ chương trình hoạt động do chủ thể văn hóa tự thực hiện;

- Phần đầu 90% trở lên cán bộ làm công tác văn hoá ở các xã thuộc các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi Đề án là người dân tộc hoặc người có thời gian sinh sống lâu trên địa bàn, hiểu biết về phong tục tập quán, văn hoá truyền thống của dân tộc bản địa, được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ của ngành;

- Các huyện, thành phố, thị xã trong phạm vi Đề án được hỗ trợ phát triển ít nhất 02 nghề truyền thống; hỗ trợ phát triển dân ca, dân vũ hoặc hoạt động du lịch đặc trưng góp phần xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội.

4. Giải pháp thực hiện Đề án

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền các địa phương đối với nhiệm vụ bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đưa mục tiêu, nhiệm vụ bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số vào Nghị quyết của từng nhiệm kỳ; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa phương hàng năm và Kế hoạch 5 năm.

- Xây dựng các chương trình hoạt động, lễ hội, hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật dân tộc các cấp định kỳ hàng năm và cả giai đoạn 2014- 2020.

- Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho việc bảo tồn và nâng cao đời sống văn hóa cho vùng dân tộc thiểu số; huy động mọi nguồn lực tài chính; khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, đầu tư, triển khai các hoạt động; kết nối, lồng ghép giữa các chương trình, dự án về phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số của Trung ương, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chương trình xây dựng chương trình thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá.

- Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh để tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền tạo sự hiểu biết của xã hội về bảo tồn, phát triển văn hoá dân tộc thiểu số; xây dựng chuyên mục tuyên truyền về bảo tồn, phát triển văn hoá dân tộc thiểu số 01 số/quý.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ, tôn vinh, đãi ngộ các nghệ nhân, nghệ sỹ nắm giữ và có công truyền dạy, phổ biến các giá trị văn hoá phi vật thể tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; ưu tiên tuyển dụng và có chế độ đãi ngộ để thu hút con em đồng bào các dân tộc thiểu số về công tác tại địa phương.

- Tiếp tục áp dụng chính sách ưu tiên con, em đồng bào các dân tộc thiểu số được cử tuyển tham gia học tập tại các trường văn hoá, nghệ thuật của Trung ương và địa phương nhằm từng bước tăng cường nguồn nhân lực có chất lượng về công tác tại địa phương, cơ sở. Hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ làm văn hoá xã của các huyện, thành, thị trong phạm vi thực hiện Đề án.

- Phối hợp xây dựng bộ chỉ số về phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.

5. Kinh phí thực hiện Đề án

Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, xã hội hóa và nguồn vốn hợp pháp khác.

Tổng kinh phí: **44.990** triệu đồng.

Phân kì thực hiện: - Giai đoạn 1 (2014-2015): **10.500** triệu đồng

- Giai đoạn 2 (2016-2020): **34.490** triệu đồng

(có phụ biểu kinh phí chi tiết thực hiện Đề án kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, hoàn chỉnh Đề án và tổ chức thực hiện Nghị quyết có hiệu quả, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XII, kỳ họp thứ 9 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2014./.

Nơi nhận:

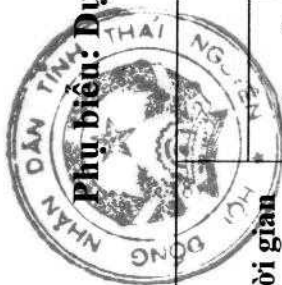
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Ban Chỉ đạo GPMB tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Văn phòng;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh (để đăng);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc

Phụ biểu: Dự toán kinh phí thực hiện Đề án từ năm 2014 - 2020



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Thời gian	Tổng số	Nguồn kinh phí thực hiện					Đơn vị chủ trì
				NS TW	NS tỉnh	NS huyện	XHH		
1	Dự án 1	2014-2020	10 100	1 600	7 000	700	800		Sở VH TTDL
2	Dự án 2	2014-2020	9 100	1 600	6 000	700	800		Sở VH TTDL
3	Dự án 3	2014-2020	7 700	1 600	5 000	700	400		Sở VH TTDL
4	Dự án 4	2014-2020	9 000	1 600	6 000	700	700		Sở VH TTDL
5	Dự án 5	2014-2020	9 090	1 600	6 090	700	700		Sở VH TTDL
	Tổng cộng		44 990	8 000	30 090	3 500	3 400		

